Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn

BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÂN HOÀ ĐÔNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	6.600
		KINH DƯƠNG VƯƠNG	LÝ CHIÊU HOÀNG	7.300
		LÝ CHIÊU HOÀNG	RANH QUẬN 8	5.100
2	BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HẺM 76 BÀ HOM	10.560
		HẺM 76 BÀ HOM	AN DƯƠNG VƯƠNG	7.920
3	BÀ KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5.700
4	BÀ LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
5	BÃI SẬY	NGÔ NHÂN TỊNH	BÌNH TIÊN	10.200
		BÌNH TIÊN	LÒ GỐM	8.800
6	BẾN LÒ GỐM	BẾN PHÚ LÂM	BÀ LÀI	6.100
		BÀ LÀI	VÕ VĂN KIỆT	3.600
7	BẾN PHÚ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
8	BÌNH PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10.000
9	BÌNH TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
10	BÌNH TIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
11	BỬU ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
12	CAO VĂN LẦU	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	12.500
		BÃI SẬY	VÕ VĂN KIỆT	11.700
13	CHỢ LỚN	TRỌN ĐƯỜNG		8.000
14	CHU VĂN AN	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	16.700
		BÃI SẬY	TRẦN VĂN KIỂU	11.400
15	ĐẶNG NGUYÊN CẨN	TÂN HOÁ	TÂN HOÀ ĐÔNG	7.800
		TÂN HOÀ ĐÔNG	BÀ HOM	10.100
		BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	9.000
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ ĐÀI RAĐA	PHƯỜNG 13		5.100
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM A	PHƯỜNG 12		5.100
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM B	PHƯỜNG 13		5.100
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM D	PHƯỜNG 10		5.100
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU PHỐ CHỢ PHÚ LÂM	PHƯỜNG 13, 14		5.100
21	ĐƯỜNG SỐ 10	PHƯỜNG 13		4.800
22	ĐƯỜNG SỐ 11	PHƯỜNG 13		5.700
23	GIA PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
24	HẬU GIANG	PHẠM ĐÌNH HỔ	MINH PHỤNG	17.100
		MINH PHỤNG	NGUYỄN VĂN LUÔNG	13.200
		NGUYỄN VĂN LUÔNG	MŨI TÀU	10.800
25	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	CẦU PHÚ LÂM	15.400
		CẦU PHÚ LÂM	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	14.300
26	HOÀNG LÊ KHA	TRỌN ĐƯỜNG		5.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
27	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
28	LÊ QUANG SUNG	NGÔ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỞNG	15.600
		MAI XUÂN THƯỞNG	MINH PHỤNG	10.200
		MINH PHỤNG	LÒ GỐM	7.800
29	LÊ TẤN KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
30	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		9.400
31	LÊ TUẤN MẬU	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
32	LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
33	MAI XUÂN THƯỞNG	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHOẺ	12.200
		PHAN VĂN KHOẺ	VÕ VĂN KIỆT	10.500
34	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		14.400
35	NGÔ NHÂN TỊNH	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHOẺ	15.000
		PHAN VĂN KHOẺ	VÕ VĂN KIỆT	14.900
36	NGUYỄN HỮU THẬN	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
37	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
38	NGUYỄN ĐÌNH CHI	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
39	NGUYỄN PHẠM TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
40	NGUYỄN THỊ NHỎ	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
41	NGUYỄN VĂN LUÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	HẬU GIANG	15.840
		HẬU GIANG	CẦU BÀ LÀI	13.200
		CẦU BÀ LÀI	LÝ CHIÊU HOÀNG	8.760
42	NGUYỄN XUÂN PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.600
43	PHẠM ĐÌNH HỔ	HỒNG BÀNG	BÃI SẬY	16.500
		BÃI SẬY	PHẠM VĂN CHÍ	11.900
44	PHẠM PHÚ THỨ	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
45	PHẠM VĂN CHÍ	BÌNH TÂY	BÌNH TIÊN	12.600
		BÌNH TIÊN	LÒ GỐM	9.000
46	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
47	PHAN VĂN KHOẺ	NGÔ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỞNG	14.400
		MAI XUÂN THƯỞNG	BÌNH TIÊN	10.000
		BÌNH TIÊN	LÒ GỐM	8.800
48	TÂN HOÀ ĐÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	ĐẶNG NGUYÊN CẨN	7.800
		ĐẶNG NGUYÊN CẨN	AN DƯƠNG VƯƠNG	6.300
49	TÂN HOÁ	HỒNG BÀNG	ĐẶNG NGUYÊN CẨN	8.760
		ĐẶNG NGUYÊN CẨN	CẦU TÂN HOÁ	7.920
50	THÁP MƯỜI	TRỌN ĐƯỜNG		21.800
51	TRẦN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
52	TRẦN TRUNG LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
53	VÕ VĂN KIỆT	NGÔ NHÂN TỊNH (P.1)	CẦU LÒ GỐM (P.7)	16.000
		CẦU LÒ GỐM (P.7)	RẠCH NHẢY (P.10)	11.700
54	TRANG TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
55	VĂN THÂN	BÌNH TIÊN	BÀ LÀI	9.240
		BÀ LÀI	LÒ GỐM	5.900
56	TRẦN VĂN KIỂU (ĐƯỜNG SỐ 11 KDC BÌNH PHÚ)	HẬU GIANG	LÝ CHIÊU HOÀNG	9.000
		LÝ CHIÊU HOÀNG	VÀNH ĐAI	8.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Tài liệu này được lưu trữ tại http://cafeland.vn